TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**06**/2022/HNGĐ – ST
Ngày:28/01/2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Phước
Ông Hà Văn Châu

Thư ký phiên toà: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 163/2021/TLST – HNGĐ ngày 11/10/2021; Về việc:*"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:05/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 260, đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên lạc: Số 195, đường M, khóm A, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lâm Triều G, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 260, đường T, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 9 năm 2021, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Lâm Triều G cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường C, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168, Quyển số 01/2002, vào ngày 17/12/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc bên gia đình anh

G và có với nhau 01 con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 19/8/2005. Sau đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng dù được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần. Đến năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân với nhau, chị T dẫn con về nhà riêng tại số 195, đường M, phường D, thành phố S ở cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh G theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T với anh G có một con tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 19/8/2005, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lâm Triều G được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn anh Lâm Triều G chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh G, cho chị T ly hôn với anh G theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung giao cháu Lâm Hoàng K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lâm Triều G được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh G theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Lâm Triều G cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi

cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Sau đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Đến năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay không hàn gắn được, nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh G. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T với anh Lâm Triều G cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường D, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168, Quyển số 01/2002, vào ngày 17/12/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh G là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Theo chị T trình bày, thì hôn nhân giữa chị với anh G không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2020 thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên chị T dẫn con về bên gia đình chị sinh sống và ly thân với anh G cho đến nay, trong thời gian ly thân thì giữa chị T với anh G vẫn không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, nên chị T quyết định nộp đơn xin ly hôn với anh G. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh G thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân gần 02 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bị đơn anh G cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị T, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Lâm Triều G.

[4] Về con chung: Chị T với anh G có một con chung tên Lâm Hoàng K, sinh ngày 19/8/2005, hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu K thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị T nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con của chị T là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, bởi vì chị T là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở chung với chị T, còn anh G không có ý kiến gì đối với yêu cầu được quyền nuôi con của chị T, nên yêu cầu này của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Lâm Triều G.

2/ Về con chung: Giao cháu Lâm Hoàng K, sinh ngày 19/8/2005 cho chị Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho anh Lâm Triều G được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008057 ngày 29/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị T đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Lâm Triều G vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND Phường D;
- Lưu hồ sơ.

Kim Sa Pha